

Bản án số: 351/2020/DS-PT  
Ngày: 18/5/2020  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
xe, bồi thường thiệt hại trong hợp  
đồng thuê xe

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Huỳnh Tú

*Các Thẩm phán:* 1. Bà Huỳnh Thị Như Hà

2. Bà Lê Thị Mỹ Nhung

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà  
Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 5 năm 2020 và ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ  
sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án  
dân sự thụ lý số 174/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh  
chấp hợp đồng mua bán xe, bồi thường thiệt hại trong hợp đồng thuê xe*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 2120/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa  
án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1035/2020/QĐ-PT  
ngày 03 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số  
2710/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2020, Thông báo dời phiên tòa ngày 20  
tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Mai Vương V, sinh năm: 1973

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1982 (có  
mặt).

Địa chỉ: Đường L, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 1380 do Văn phòng công chứng Đồng Tâm chứng thực  
ngày 05/3/2014)

***2. Bị đơn:*** Ông Mai Đức H, sinh năm: 1961

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Bá N, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Đường T, phường C, Thành phố Q, tỉnh Q.

(Giấy ủy quyền số 608512 do Văn phòng công chứng Nguyễn Trí Tam chứng thực ngày 13/8/2019)

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn H

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: ông Lê Quốc H, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Đường P, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 18/6/2014)

3.2. Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm: 1967

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: ông Nguyễn Bá N, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Đường T, phường C, Thành phố Q, tỉnh Quảng Nam.

(Giấy ủy quyền số 608513 do Văn phòng công chứng Nguyễn Trí Tam chứng thực ngày 13/8/2019)

3.3. Chi cục Thi hành án dân sự quận B

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Đinh Thị H1, sinh năm: 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Đường B, Phường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 24/3/2020)

3.4. Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Lệ T – Trưởng phòng Công chứng số 3 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Đường T, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### **Tóm tắt nội dung án sơ thẩm:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm; đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 11/6/2009, ông Mai Vương V mua chiếc xe ô tô hiệu Ford biển số 52V-1221 của ông Mai Đức H theo hợp đồng mua bán xe được Phòng công chứng số 3 thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng 15987, quyền số 03TP/CC/HĐGD. Ông H đã bàn giao xe cho ông V ngay sau khi ký hợp đồng. Tuy nhiên, do bận công việc ông V chưa làm được thủ tục trước bạ sang tên. Ngày 01/7/2013 ông V thỏa thuận cho ông H thuê lại chiếc xe trên theo Hợp đồng thuê xe được các bên ký kết với giá thuê 15.000.000 đồng/tháng. Từ ngày cho thuê tới nay, ông V chưa nhận được tiền thuê xe từ ông H.

Ngày 12/7/2013 Chi cục Thi hành án dân sự quận B đã tự ý tạm giữ chiếc xe của ông V mua từ ông H, không lập biên bản về việc tạm giữ.

Ông V đã làm đơn khiếu nại và được Chi cục Thi hành án dân sự quận B trả lời bằng văn bản số 864/CCTHA ngày 21/01/2014. Ông V xác định ông không liên quan gì đến bản án số 299/DS-PT ngày 11/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương có nội dung : “ ... buộc ông Mai Đức H phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H tiền thuê đất ...”. Sau khi chấp hành viên tạm giữ chiếc xe của ông, ông đã xuất trình Hợp đồng mua bán xe và đã yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận B trả lại chiếc xe cho ông nhưng không có kết quả. Nên ông V đã khởi kiện yêu cầu ông H tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán xe ngày 11/6/2009 là hoàn tất thủ tục cập nhật sang tên sở hữu xe cho ông Mai Vương V, buộc ông H phải bồi thường thiệt hại phát sinh bị mất thu nhập từ hoạt động kinh doanh theo Hợp đồng cho thuê xe tính từ ngày 01/7/2013 cho đến ngày 01/8/2013 với số tiền là 15.000.000 đồng.

Trường hợp Tòa án tuyên hợp đồng mua bán xe vô hiệu thì đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật và xác định lỗi hoàn toàn thuộc về ông H, bà H vì trong suốt thời gian thực hiện việc mua bán xe ông H, bà H đã không thực hiện được sang tên chủ quyền xe cho ông V; cụ thể là ông H, bà H phải liên đới trả lại cho ông V số tiền đã nhận là 120.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu số tiền là 136.000.000 đồng.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn - ông Mai Đức H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị Lệ H trình bày:*

Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 52V-1221 ông Mai Đức H, bà Trần Thị Lệ H đã bán cho ông Mai Vương V ngày 11/6/2009 có công chứng chứng nhận và ông H đã thuê lại chiếc xe này của ông V để kinh doanh.

Ngày 12/7/2013 bà Đinh Thị H là chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự quận B có quyết định kê biên tạm giữ và đưa chiếc xe về kho Chi cục Thi hành án dân sự quận B là không đúng quy định của pháp luật vì chiếc xe đã bán cho ông Mai Vương V; xe này ông H đang khai thác để kinh doanh; chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng ông H, bà H. Do vậy, ông H, bà H yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận B phải:

Bồi thường thiệt hại cho ông H số tiền 228.000.000 đồng bao gồm: thu nhập từ việc kinh doanh xe bị mất từ ngày 01/7/2013 đến nay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); bồi thường thiệt hại là giá trị xe ô tô Ford, biển số 52V-1221 là  $\frac{1}{2}$  giá tại kết quả thẩm định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Đầu tư Sài Gòn Thái Dương theo chứng thư thẩm định giá là 256.000.000: 2 = 128.000.000 đồng.

Bồi thường thiệt hại cho bà H số tiền 228.000.000 đồng bao gồm: thu nhập từ việc kinh doanh xe bị mất từ ngày 01/7/2013 đến nay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); bồi thường giá trị tài sản thiệt hại số tiền là 128.000.000 đồng.

Ông H không thể tiếp tục hoàn tất thủ tục đăng ký sang tên chủ quyền xe cho ông V vì chiếc xe đang bị Chi cục Thi hành án dân sự quận B thu giữ. Nên nếu Hợp đồng mua bán xe vô hiệu thì không thuộc lỗi của ông H, bà H nên ông H, bà H không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của nguyên đơn.

*Công ty Trách nhiệm hữu hạn H có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Quốc H trình bày:*

Theo Bản số 155/2009/DS-PT ngày 02/6/2009 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương thì ông Mai Đức H có nghĩa vụ phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H số tiền 538.133.644 đồng tiền thuê đất. Chi cục Thi hành án dân sự quận B tạm giữ chiếc xe ô tô của ông H để đảm bảo thi hành án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 439, khoản 2 Điều 440 Bộ luật Dân sự và Thông tư số 01/2007/TT-BVA-C11 ngày 02/01/2007 của Bộ Công an, ông V phải có nghĩa vụ làm thủ tục sang tên nhưng ông V chưa hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu nên chiếc xe ô tô vẫn thuộc quyền sở hữu của ông H.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010, ông H bán chiếc xe cho ông V khi bản án 155/2009/DS-PT ngày 02/6/2009 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có hiệu lực pháp luật nên việc kê biên chiếc xe của Chi cục Thi hành án dân sự quận B là phù hợp pháp luật. Do vậy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Ford, biển số 52V-1221 giữa ông Mai Vương V và ông Mai Đức H ngày 11/6/2009, công nhận chiếc xe ô tô này là của ông Mai Đức H, công nhận việc kê biên chiếc xe của Chi cục Thi hành án dân sự quận B là đúng pháp luật, đưa Chi cục Thi hành án dân sự quận B tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H rút toàn bộ yêu cầu độc lập; không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu phản tố của ông Mai Đức H, không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Lệ H.

*Phòng công chứng số 3 – bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:*

Căn cứ vào hồ sơ lưu trữ, Phòng Công chứng số 3 xác định việc chứng nhận Hợp đồng mua bán xe số 15987 ngày 11/06/2009 do Phòng Công chứng số 3, thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận nêu trên là hoàn toàn đúng với trình tự, thủ tục luật định, thành phần hồ sơ có đầy đủ những giấy tờ theo quy định pháp luật. Đương sự ký hợp đồng nêu trên có đầy đủ những giấy tờ theo quy định pháp luật. Đương sự ký hợp đồng nêu trên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đúng với các giấy tờ xuất trình tại thời điểm ký kết. Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật công chứng thì người yêu cầu công chứng phải có năng lực hành vi dân sự, xuất trình đầy đủ các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đó. Trong trường hợp nếu người yêu cầu công chứng có hành vi gian dối thì tùy theo mức độ tính chất, mức độ vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Chi cục Thi hành án dân sự quận B có người đại diện theo ủy quyền là bà Đinh Thị H1 trình bày:*

Chi cục Thi hành án dân sự quận B ra quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 76/QĐ-CCTHA ngày 01/8/2013 để kê biên chiếc xe ô tô của ông Mai Đức H là đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án dân sự 2008.

Do đó, Chi cục không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Mai Đức H và yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Lệ H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2120/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh tuyên:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Mai Vương V về việc đòi ông Mai Đức H, bà Trần Thị Lệ H phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán xe hiệu Ford, biển số kiểm soát 52V-1221 theo Hợp đồng mua bán xe do Phòng công chứng số 3 chứng thực số công chứng 15987, quyền số 03TP/CC/HĐGD ngày 11/6/2009; đòi ông Mai Đức H bồi thường thiệt hại số tiền là 15.000.000 đồng do bị mất thu nhập từ hoạt động kinh doanh cho thuê xe.

2. Buộc ông Mai Đức H phải trả lại cho ông Mai Vương V số tiền 256.000.000 đồng (hai trăm năm mươi sáu triệu đồng), bao gồm 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) tiền mua bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát số 52V-1221 và 136.000.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu đồng) tiền bồi thường thiệt hại do Hợp đồng mua bán xe hiệu Ford, biển số kiểm soát 52V-1221 theo Hợp đồng mua bán xe do Phòng công chứng số 3 chứng thực số công chứng 15987, quyền số 03TP/CC/HĐGD ngày 11/6/2009 bị vô hiệu.

Bà Trần Thị Lệ H phải có trách nhiệm cùng ông Mai Đức H trả số tiền nêu trên cho ông Mai Vương V.

Thi hành làm một lần tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Mai Vương V có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Mai Đức H, bà Trần Thị Lệ H chậm thực hiện số tiền trên thì ông Mai Đức H, bà Trần Thị Lệ H còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Mai Đức H về việc đòi Chi cục Thi hành án dân sự quận B phải bồi thường thiệt hại cho ông tổng số tiền là 228.000.000 đồng bao gồm: tổn thất thu nhập từ việc kinh doanh xe từ ngày 01/7/2013 đến nay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); bồi thường thiệt hại là giá trị xe ô tô Ford, biển số 52V-1221 số tiền là 128.000.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu đồng).

4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị Lệ H về việc đòi Chi cục Thi hành án dân sự quận B phải bồi thường thiệt hại cho ông tổng số tiền là 228.000.000 đồng bao gồm: tổn thất thu nhập từ việc kinh doanh xe từ ngày 01/7/2013 đến nay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); bồi thường thiệt hại là giá trị xe ô tô Ford, biển số 52V-1221 số tiền là 128.000.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu đồng).

5. Đình chỉ đối với toàn bộ yêu cầu độc lập của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Mai Đức H, bà Trần Thị Lệ H phải nộp án phí đối với số tiền phải trả cho ông V là 12.800.000 đồng (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Ông Mai Đức H phải nộp án phí do yêu cầu phản tố không được chấp nhận số tiền là 11.400.000 đồng (mười một triệu bốn trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0020777 ngày 24/4/2019 và số 0008041 ngày 14/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, ông H còn phải nộp án phí số tiền là 444.000 đồng (bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Bà H phải nộp án phí do yêu cầu độc lập không được chấp nhận số tiền là 11.400.000 đồng (mười một triệu bốn trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0020776 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, bà H còn được nhận lại số tiền là 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ông Mai Vương V phải nộp án phí số tiền là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào biên lai số 02310 ngày 19/3/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, ông V còn được nhận lại số tiền là 4.875.000 đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008272 ngày 19/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2019, bị đơn - ông Mai Đức H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Lệ H nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người đại diện hợp pháp của bị đơn - ông Mai Đức H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Lệ H trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo như sau:

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã vi phạm khoản 2 Điều 264 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 cụ thể là khi nghị án thì ngoài thành viên của Hội đồng xét xử còn có Kiểm sát viên tham gia nghị án.

Các đương sự không có yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 11/6/2009 vô hiệu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xử hợp đồng vô hiệu.

Bà H không phải là người phải thi hành theo bản án phúc thẩm số 229/2012/DS-PT ngày 11/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 52V-1221 là tài sản chung của vợ chồng ông H, bà H và ngày 11/6/2009 ông H, bà H đã bán cho ông V nhưng chưa sang tên là do Chi cục Thi hành án dân sự quận B ngăn chặn. Bản án sơ thẩm cho rằng Chi cục Thi hành án dân sự quận B đã thực hiện việc niêm yết Thông báo số 1925/TB-CCTHA ngày 01/8/2013 và Thông báo số 2048/TB-CCTHA ngày 08/8/2013 tại nơi cư trú của ông H, bà H là đã xem xét đến quyền về tài sản của bà H để không chấp nhận yêu cầu của bà H là không thuyết phục.

Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án Bản án sơ thẩm số 2120/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Nếu cấp phúc thẩm không hủy án thì đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông H, bà H.

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.  
Các đương sự không có phương án hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Mai Đức H, bà Trần Thị Lệ H làm trong thời hạn luật định, hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 01 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Đức H, bà Trần Thị Lệ H và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 2120/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo nội dung bản phát biểu số 6250 ngày 12/5/2020.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Mai Đức H, bà Trần Thị Lệ H làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán xe và bồi thường thiệt hại trong hợp đồng thuê xe theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng chỉ xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng mua bán xe là chưa đầy đủ. Do đó, cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán xe, bồi thường thiệt hại trong hợp đồng thuê xe”.

[2] Xét kháng cáo của ông Mai Đức H, bà Trần Thị Lệ H Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Theo biên bản nghị án ngày 15 tháng 10 năm 2019 (BL 281, 282), biên bản nghị án ngày 18 tháng 11 năm 2019 (BL 287, 288) thì thành phần tham gia nghị án là các thành viên Hội đồng xét xử gồm Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và 02 vị Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử nên cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo khoản 2 Điều 264 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, người kháng cáo cho rằng ngoài thành viên của Hội đồng xét xử còn có Kiểm sát viên tham gia nghị án nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

[2.2] Nguyên đơn - ông Mai Vương V khởi kiện yêu cầu ông H tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán xe ngày 11/6/2009 là hoàn tất thủ tục cập nhật sang tên sở hữu xe cho ông Mai Vương V, buộc ông H phải bồi thường thiệt hại

phát sinh bị mất thu nhập từ hoạt động kinh doanh theo Hợp đồng cho thuê xe tính từ ngày 01/7/2013 cho đến ngày 01/8/2013 với số tiền là 15.000.000 đồng. Trường hợp Tòa án tuyên hợp đồng mua bán xe vô hiệu thì đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật và xác định lỗi hoàn toàn thuộc về ông H, bà H vì trong suốt thời gian thực hiện việc mua bán xe ông H, bà H đã không thực hiện việc sang tên chủ quyền xe cho ông V; cụ thể là ông H, bà H phải liên đới trả lại cho ông V số tiền đã nhận là 120.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu số tiền là 136.000.000 đồng.

Như vậy, nếu Tòa án cấp sơ thẩm không xác định hợp đồng mua bán xe nêu trên vô hiệu thì không đủ cơ sở để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe.

Tuy nhiên, khi xem xét hợp đồng mua bán xe và giải quyết hậu quả của hợp đồng mua bán xe do vô hiệu, xác định lỗi, trách nhiệm bồi thường thiệt hại thì Tòa cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Cụ thể:

Ông H, bà H xác định tại thời điểm bán xe 52V-1221 cho ông V thì ông H, bà H còn có tài sản khác là căn nhà số 662/61 Bùi Đình Túy, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, chiếc xe ô tô trên không phải là tài sản duy nhất để thi hành án, cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ vấn đề này đã xác định hợp đồng mua bán xe vô hiệu do vi phạm điều cấm là chưa phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Chi cục Thi hành án dân sự quận B xác định sau khi nhận được Quyết định số 169/2010/DS-GĐT ngày 26/4/2010 của Tòa án nhân tối cao về việc hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 155/2009/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thì Chi cục Thi hành án dân sự quận B đã ra Quyết định đình chỉ thi hành án số 205/QĐ-THA ngày 22 tháng 6 năm 2010 và ban hành Công văn số 1001/THA ngày 23/6/2010 gửi bằng đường bưu điện đến Phòng cảnh sát giao thông đường bộ - Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Đội đăng ký xe (282 Nơ Trang Long) về việc giải tỏa ngăn chặn chuyển dịch chiếc xe ô tô Ford, biển số 52V-1221, Chi cục không gửi công văn này cho ông H. Phía ông H cho rằng sau khi biết được Quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao về việc hủy bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, ông đã trực tiếp liên hệ Phòng cảnh sát giao thông đường bộ - Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Đội đăng ký xe (282 Nơ Trang Long) để thực hiện thủ tục sang tên cho ông V nhưng được các cơ quan trên thông báo là không nhận được Công văn giải tỏa ngăn chặn của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Do đó, cấp sơ thẩm cần điều tra làm rõ Phòng cảnh sát giao thông đường bộ - Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Đội đăng ký xe (282 Nơ Trang Long) có nhận được Công văn giải tỏa của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh hay không? Phía ông H có liên hệ với Phòng cảnh sát giao thông đường bộ - Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Đội đăng ký xe (282 Nơ Trang Long) hay không thì mới có thể xác định được lỗi của ai trong việc không sang tên xe cho ông V (vì tại thời điểm này ông H, bà H được quyền sang tên xe cho ông V).

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Chiếc xe 52V-1221 tuy cá nhân ông H đứng tên nhưng ông H, bà H không tranh chấp và đều thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng nên chiếc xe này là tài sản chung của ông H, bà H theo quy



định tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23 tháng 12 năm 2000 hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Bà Trần Thị Lệ H không phải là người phải thi hành án theo bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nhưng cấp sơ thẩm cho rằng bà H phải liên đới với ông H bồi thường thiệt hại cho ông V trong hợp đồng mua bán xe là không đúng vì cá nhân bà H không có lỗi trong việc mua bán xe với ông V. Do đó khi xem xét giải quyết lại vụ án, nếu có bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu thì cấp sơ thẩm cần xác định rõ người phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

[2.3] Về thụ lý yêu cầu phản tố của ông H và yêu cầu độc lập của bà H đối với Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông H và của bà H đối với Chi cục Thi hành án dân sự quận B vì cho rằng cơ quan này đã ban hành kê biên chiếc xe 52V-1221 không đúng quy định pháp luật. Xét thấy yêu cầu trên (nếu có phát sinh bồi thường) thì thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự và được điều chỉnh theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Điều 21 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017).

Tại khoản 4 Điều 4 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định:

“Nhà nước chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường sau khi có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường hoặc kết hợp giải quyết yêu cầu bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính tại Tòa án...”

Tại Điều 12 Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước quy định văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự bao gồm:

“1. Bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ;

2. Quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự chấp nhận một phần hoặc toàn bộ nội dung khiếu nại của người khiếu nại;

3. Quyết định hủy, thu hồi, sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án vì quyết định đó được ban hành trái pháp luật;

4. Quyết định xử lý hành vi phạm pháp luật của người thi hành công vụ bị tố cáo trên cơ sở kết luận nội dung tố cáo theo quy định của pháp luật về tố cáo;

5. Văn bản của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trả lời chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự;

6. Quyết định xử lý kỷ luật người thi hành công vụ do có hành vi trái pháp luật;

7. Văn bản khác theo quy định của pháp luật đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 3 của Luật này.”

Tại khoản 1 Điều 52 Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước quy định về khởi kiện và thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại Tòa án:

“1. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nhận được văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, người yêu cầu bồi thường có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường...”

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết yêu cầu đòi bồi thường của ông H và của bà H đối với Chi cục Thi hành án dân sự quận B trong khi chưa có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường là chưa đủ điều kiện khởi kiện theo các quy định trên.

Do đó, cấp sơ thẩm khi giải quyết lại cần đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bị đơn – ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà H đối với Chi cục Thi hành án dân sự quận B và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông H, bà H đối với yêu cầu này.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Mai Vương V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Lệ H về việc đề nghị hủy án sơ thẩm, không chấp nhận ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng đã phân tích nêu trên.

Về án phí phúc thẩm: Do hủy án nên người kháng cáo không phải chịu.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn - ông Mai Vương V.
2. Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Lệ H.
3. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 2120/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án thụ lý số 174/TLPT-DS ngày 13/02/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết lại khi vụ án được giải quyết lại.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại cho ông Mai Đức H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0017438 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho bà Trần Thị Lệ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0017437 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. (20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Huỳnh Tú**